FireAnt

CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy (HSX: NBB)

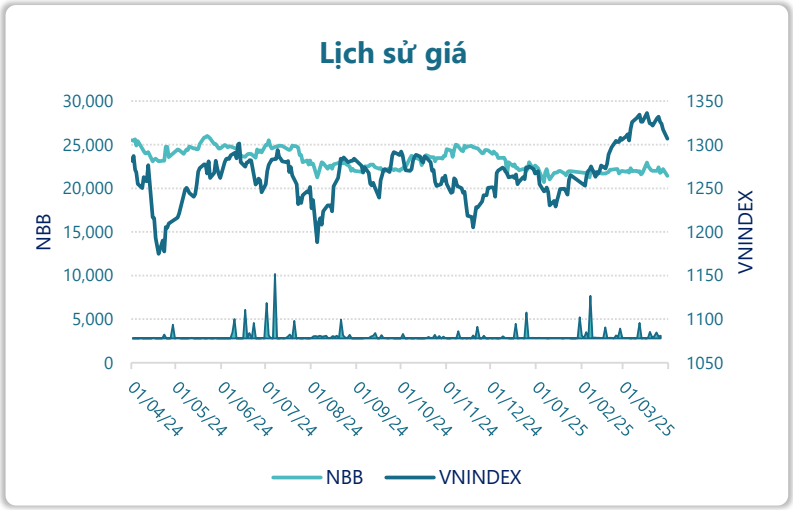

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**21,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,700
SL cổ phiếu LH	100,159,795
KLGD BQ 20 phiên (CP)	159,713
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,143
P/E	1799.9
EPS	12

DT thuần

Q1/25

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.90| 7.3%

YoY: ▼14.1| -50.8%

LN sau thuế

Q1/25

0.05

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.35| -86.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

413%

+/- YoY: ▲ 311%

DT thuần

2024

64.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼228| -77.9%

LN sau thuế

2024

0.44

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.65| -59.6%

ROE

2024

0.0%

+/- YoY: ▼ 0.1%

Kết quả kinh doanh

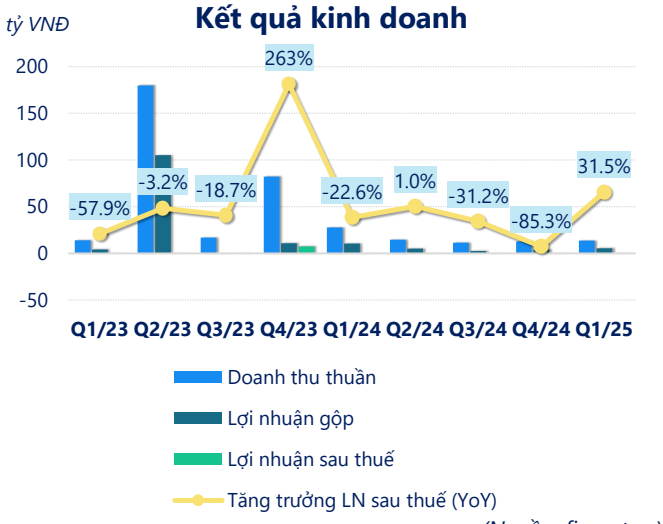

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

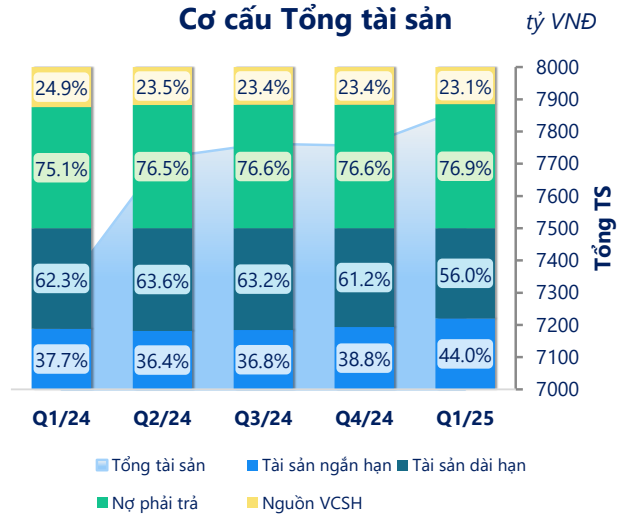

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

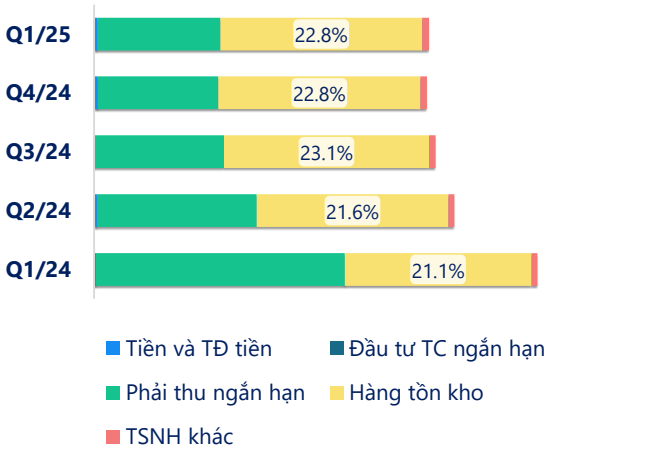

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

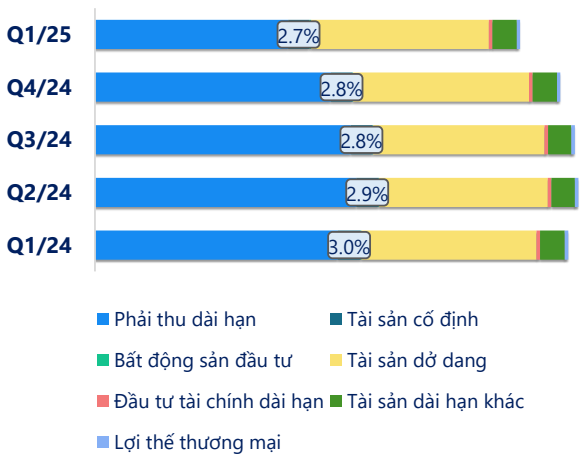

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

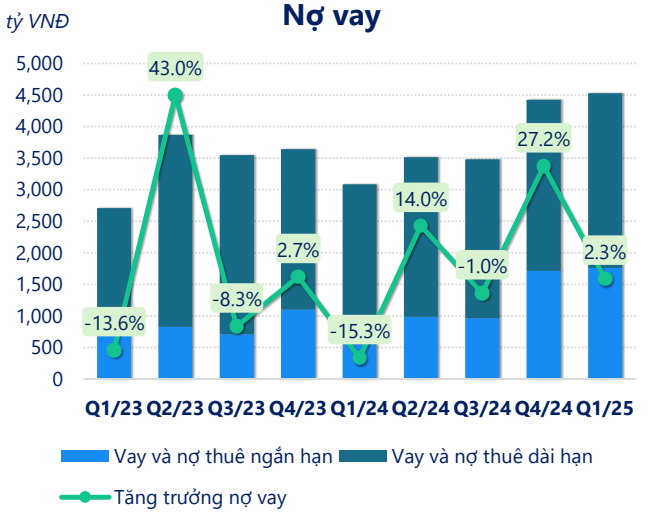

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

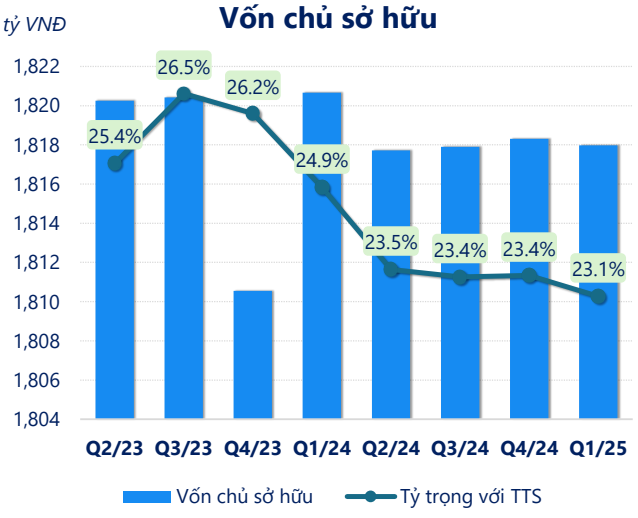

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

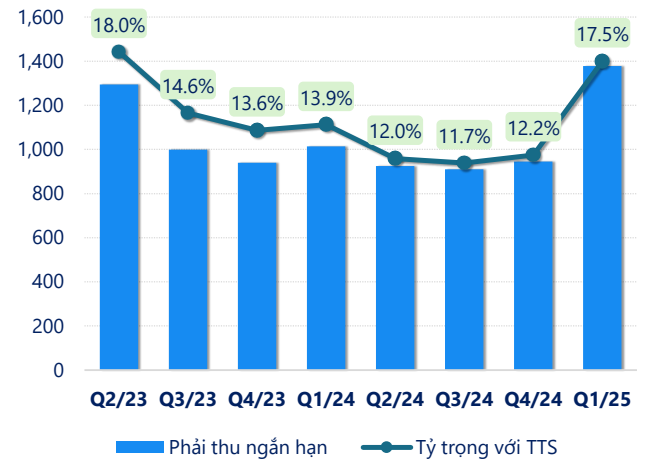

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

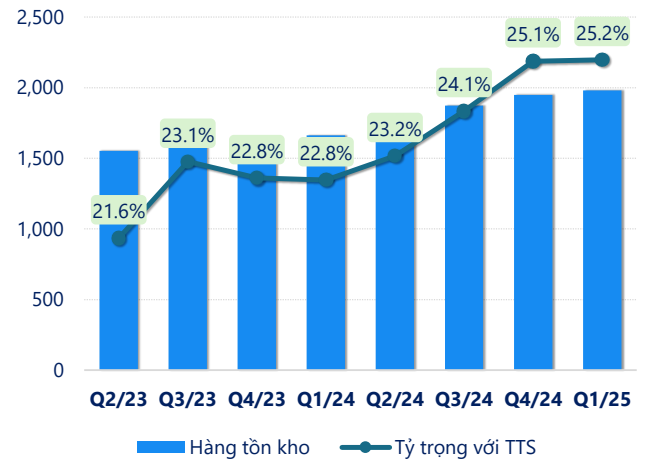

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

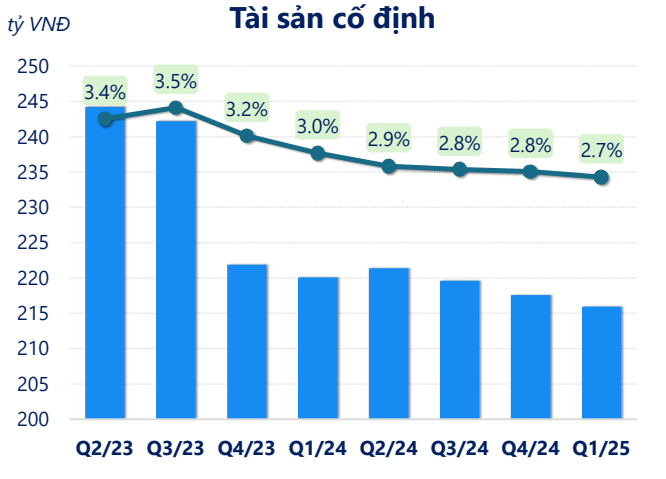

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

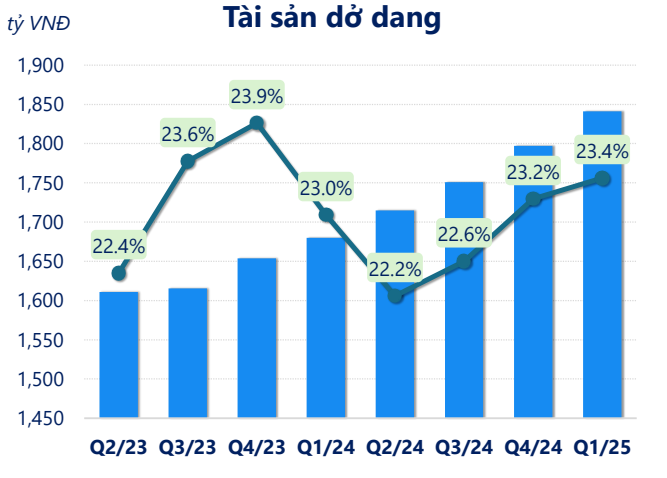

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

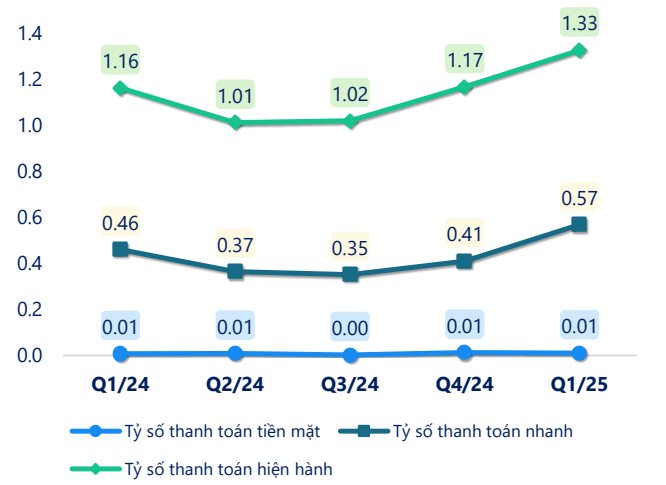

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

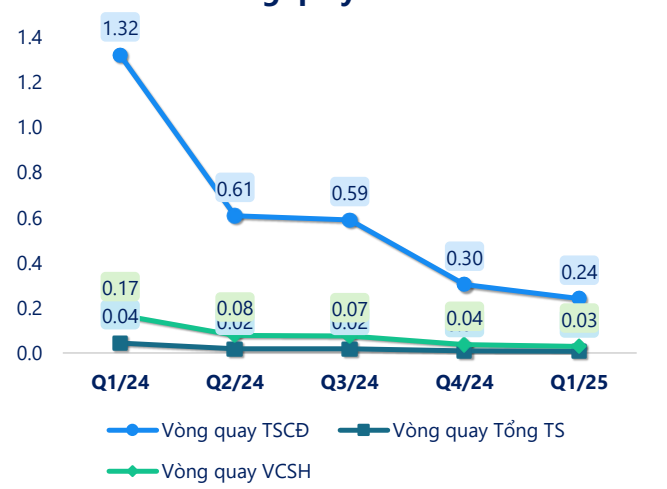

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**7,300**	**7,719**	**7,762**	**7,756**	**7,873**
Tài sản ngắn hạn	**2,750**	**2,807**	**2,858**	**3,006**	**3,467**
Tiền và tương đương tiền	16.8	24.6	6.76	33.1	27.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	9.00	9.00
Phải thu ngắn hạn	1,015	925	911	945	1,378
Hàng tồn kho	1,662	1,795	1,874	1,949	1,980
Tài sản ngắn hạn khác	56.3	63.2	67.2	70.4	72.5
Tài sản dài hạn	**4,550**	**4,912**	**4,904**	**4,750**	**4,406**
Phải thu dài hạn	2,332	2,656	2,613	2,409	2,002
Tài sản cố định	220	221	220	218	216
Bất động sản đầu tư	9.32	9.16	8.99	8.82	23.7
Tài sản dở dang	1,680	1,715	1,751	1,797	1,841
Đầu tư tài chính dài hạn	36.6	36.6	36.6	36.6	36.6
Tài sản dài hạn khác	235	238	240	247	254
Lợi thế thương mại	37.0	36.0	35.0	34.0	33.0
Nợ phải trả	**5,479**	**5,901**	**5,944**	**5,937**	**6,055**
Nợ ngắn hạn	**2,364**	**2,773**	**2,802**	**2,574**	**2,613**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	547	988	963	1,712	1,757
Phải trả người bán ngắn hạn	98.3	98.2	92.9	95.6	93.1
Nợ dài hạn	3,114	3,128	3,142	3,363	3,442
Vay và nợ thuê dài hạn	2,535	2,525	2,516	2,714	2,769
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,821**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**
Vốn chủ sở hữu	**1,821**	**1,818**	**1,818**	**1,818**	**1,818**
Vốn điều lệ	1,005	1,005	1,005	1,005	1,005
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)